

# CHÚ GIẢI KINH DUY-MA-CẬT

## QUYỂN 2

### PHẨM 2: PHƯƠNG TIỆN

Ngài La-thập nói:

- Phẩm này nói về đức của ông Tịnh Danh, đó chẳng phải là ý của người kết tập kinh; vì phương tiện và biện tài của ông ấy, thường được Thế Tôn khen ngợi; cho nên người kết tập kinh y theo những điều đã nghe để nêu lên tự đức.

**Chánh văn:** *Bấy giờ, trong thành lớn Tỳ-da-ly có một ông Trưởng giả tên là Duy-ma-cật, xưa từng cúng dường vô lượng chư Phật.*

Ngài La-thập nói:

- Sắp thuật về đức của ông ấy, trước nói về nguyên do tu đức.

**Chánh văn:** *Trông sâu cội lành.*

Ngài La-thập nói:

- Đây là nghiệp công đức.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Lập đức nơi các bậc Thánh trước, nên gốc thiện được trông sâu.

Kinh này phát khởi là từ nơi ngài Tịnh Danh, những lời nói vi diệu, ngôn từ sâu xa của ông được ghi chép đầy đủ ở sau. Người tập kinh, muốn lưu giữ mãi người này đến mai sau để hoằng đạo giáo, nên một phẩm này toàn là nói về đức của người ấy.

**Chánh văn:** *Được Vô sinh nhẫn.*

Ngài La-thập nói:

- Đây là nghiệp minh tuệ (tuệ sáng tỏ). Như Lai đã rõ ráo chứng đạo, thì lấy trí làm tên. Bồ-tát đã thấy nhưng chưa được cùng tận, chỉ có thể kham nhẫn lãnh thọ không thoái, nên lấy nhẫn làm tên.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Sở dĩ tuệ vô sinh của Bồ-tát chỉ gọi là nhẫn, bởi vì Đại giác chưa thành, trí lực còn yếu kém; tuy đã ngộ vô sinh, nhưng chỉ là tâm kham nhẫn lãnh thọ mà thôi, chưa được an nhiên tự tại; cho nên chỉ gọi là

nhẫn. Còn Như Lai thì trí lực đã đầy đủ, tự tại đối với pháp, hằng trụ nơi an nhiên, cho nên không đặt tên nhẫn.

**Chánh văn:** *Biện tài vô ngại.*

- Đã đầy đủ hai nghiệp thì dùng biện tài thuyết pháp giáo hóa chúng sinh.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đó là bảy biện tài.

**Chánh văn:** *Du hý thần thông.*

Ngài La-thập nói:

- Nhờ có thần thông mà làm rộng lớn công đức giáo hóa, cũng dùng sức thần thông để minh chứng cho biện tài, như Bồ-tát Long Thọ luận nghị với ngoại đạo. Ngoại đạo hỏi rằng: “Trời hôm nay đang làm gì?”. Ngài Long Thọ đáp: “Trời đang đánh với A-tu-la”; lại hỏi: “Lấy gì làm chứng cho việc này?”. Tức thời Bồ-tát hiện chứng cứ, nào là đao thương gãy nát và đầu thân A-tu-la từ trên không rơi xuống đất, lại thấy cả việc chư Thiên và A-tu-la lập bày thế trận đối nhau trên đó. Ngoại đạo nhìn thấy chứng cứ liền kính phục biện tài của Bồ-tát. Thần thông minh chứng cho biện tài là như thế.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Kinh ghi: “Bồ-tát được năm thông”, lại nói: “Được sáu thông”. Vì được Vô sinh nhẫn, các kết sử của ba cõi tận trừ, thì mới bằng Nhị thừa, cho nên phải nói sáu mới bằng Như Lai. Vì kết tập chưa tận, cho nên nói có năm.

**Chánh văn:** *Chúng được Tổng trì.*

Ngài La-thập nói:

- Trí tuệ là năng trì, thật tướng cũng gọi là trì, còn các nghĩa trì khác thì như luận Đại Trí Độ đã nói.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nghĩa Tổng trì như trên đã giải thích. Kinh nói: “Có năm trăm Tổng trì, cũng có vô lượng Tổng trì”.

**Chánh văn:** *Đạt được vô úy.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tức bốn Vô sở úy của Bồ-tát.

**Chánh văn:** *Hàng phục ma oán.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Bốn ma làm cho ngã lao nhọc, dẫn đến oán trách.

**Chánh văn:** *Thâm nhập pháp môn.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Nghĩa sâu xa của các pháp có vô lượng môn,

tất cả đều khéo thấu hiểu, chứng nhập.

**Chánh văn:** *Khéo léo nơi Trí độ, thông đạt được phương tiện.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đến bờ thật trí gọi là khéo nơi Trí độ. Sức vận dụng vô cùng gọi là đạt phương tiện.

**Chánh văn:** *Thành tựu đại nguyện.*

Ngài La-thập nói:

- Lúc mới phát tâm thì nguyện chưa lớn, hoặc đã lớn mà chưa thành. Đã lớn mà thành chỉ có Bồ-tát Pháp Nhãn. Như bốn mươi tám nguyện của Đức Phật Vô Lượng Thọ, là đại nguyện vậy.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đại nguyện có thể sánh với bốn mươi tám nguyện của Đức Phật Vô Lượng Thọ.

**Chánh văn:** *Biết rõ nơi hướng đến của tâm chúng sinh.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nơi hướng đến của tâm chúng sinh có muôn vạn nẻo không đồng, tất cả đều biết rõ.

**Chánh văn:** *Lại thường phân biệt được các căn cơ lợi độn.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Các căn lợi độn của ba thừa thật khó biết, mà vị Bồ-tát này lại có thể phân biệt rõ.

**Chánh văn:** *Đã ở lâu nơi Phật đạo, tâm đã thuần thục, quyết định Đại thừa.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Bồ-tát trụ Địa thứ bảy trở lên mới được quyết định.

**Chánh văn:** *Các việc làm đều khéo suy lường.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Các sự tạo tác của thân, miệng, ý đều có trí tuệ hiện tiền, cho nên việc làm chẳng sai trái.

**Chánh văn:** *Trụ nơi oai nghi Phật.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Cử động hay dừng trụ đều chẳng mất oai nghi của bậc Thánh.

Bản khác ghi: “Đầy đủ oai nghi của Phật”.

Ngài La-thập nói:

- Tức có thể biến thân làm Phật, cử động đến đi, dừng trụ đều như Phật.

**Chánh văn:** *Tâm lớn như biển.*

Ngài La-thập nói:

- Biển có ba đức:

1. Sâu rộng vô biên.
2. Trong sạch, chẳng dung nạp các vật dơ uest.
3. Tích tụ vô lượng trân bảo.

Ba đức của Bồ-tát, nghĩa cũng đồng như thế.

Ngài Tăng Triệu ghi: Biển có năm đức:

1. Trong sạch chẳng dung chứa tử thi.
2. Có nhiều châu báu quý.
3. Rộng lớn trút mưa xuống, giọt mưa như trục bánh xe mà biển chẳng tràn đầy.
4. Gió và nắng chẳng thể làm khô cạn.
5. Sâu thẳm khó dò.

Tâm của bậc Đại sĩ thanh tịnh chẳng dung nạp thầy chết phá giới, gió nắng tà ma chẳng thể làm suy tổn, phát khởi của báu tuệ minh, thọ nhận mưa pháp lớn của Phật mà chẳng dư thừa, trí tuệ ấy sâu thẳm khó lường, vì thế mà nói là rộng lớn như biển.

**Chánh văn:** *Được chư Phật khen ngợi và các đệ tử, Đế Thích, Phạm vương, vua... cung kính. Vì muốn độ chúng sinh, nên ông dùng phương tiện khéo léo cư trụ ở thành Tỳ-da-ly.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Được chư Phật khen, được trời người cung kính, việc ấy đâu có gì vui thích? Vì muốn độ người, cho nên thị hiện sống ở Tỳ-da-ly.

**Chánh văn:** *Có của cải nhiều vô lượng để nhiếp độ những kẻ nghèo khổ; giữ gìn giới hạnh thanh tịnh để nhiếp phục người phá giới; dùng hạnh nhẫn nhục nhu hòa để thu phục kẻ giận dữ; dùng đại tình tấn để độ người biếng nhác; dùng nhất tâm thiền định để nhiếp phục người tán loạn tâm ý; dùng tuệ quyết định để nhiếp phục kẻ vô trí.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Bậc Chí nhân chẳng bao giờ hiện hành, nay hiện hành sáu Độ là để nhiếp phục sáu điều tệ.

**Chánh văn:** *Tuy là hàng bạch y mà giữ gìn luật hạnh thanh tịnh của Sa-môn.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Sa-môn là từ gọi chung những người xuất gia, Trung Quốc dịch nghĩa là Cần hành, tức siêng năng tu hành đến Niết-bàn.

**Chánh văn:** *Tuy sống đời cư sĩ tại gia mà chẳng dẫm trước ba cõi (Tam giới).*

Ngài Tăng Triệu ghi: Tức ngôi nhà Tam giới.

**Chánh văn:** *Thị hiện có vợ con mà thường tu Phạm hạnh.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Phạm hạnh thanh tịnh tức là hạnh vô dục.

**Chánh văn:** *Hiện có quyến thuộc mà thường thích xa lìa.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tại gia như ngục tù nên nói là xa lìa. Tại chúng (đồng người) như ở nơi đồng trống.

**Chánh văn:** *Tuy mặc các quần áo tốt đẹp, nhưng lại dùng tướng quý và vẻ đẹp để trang nghiêm thân.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Thân mặc áo quần thế tục, nhưng trong đầy đủ các tướng quý và vẻ đẹp.

**Chánh văn:** *Tuy có uống ăn mà thường dùng thiền duyệt làm vị.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Ngoài dùng món ăn thế gian mà bên trong dùng vị cam lộ thiền duyệt.

**Chánh văn:** *Nếu đến những nơi bài bạc, hát ca thì tùy thuận mà độ người.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Nhân vui chơi ca hát mà ngăn dứt sự vui chơi ca hát.

**Chánh văn:** *Thọ nhận các pháp của dị đạo.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Hiện thọ học các pháp của ngoại đạo.

**Chánh văn:** *Chẳng hủy hoại chánh tín.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Đồng với dị đạo tức muốn làm cho dị đạo đồng với ta, vậy há có thể hủy hoại chánh tín ư? Thọ tức là thọ học pháp của dị đạo.

**Chánh văn:** *Tuy hiểu rõ các sách thế tục mà thường thích Phật pháp.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Tuy hiểu biết rõ ràng tất cả sách thế gian, nhưng sở thích chính là chân pháp.

**Chánh văn:** *Tất cả đều cung kính, là bậc tối thắng nhất trong các bậc được cúng dường.*

Ngài La-thập nói:

- Các bậc có đức luôn được cúng dường, những bậc được cúng dường này lại cúng dường bậc Hiền Thánh này, nên gọi là tối thắng.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Mọi người đều cung kính, tất cả đều cúng dường, nên gọi là bậc cúng dường tối thắng.

**Chánh văn:** *Giữ gìn chánh pháp, nhiếp phục kẻ lớn người nhỏ.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Ở nước ngoài, các nơi đều lập Tam lão là những người có đức làm vị chấp pháp để giải quyết các việc tranh tụng trong làng xóm, ngài Tịnh Danh thị hiện làm người nắm giữ pháp thế tục, nhân đó mà lưu thông đạo pháp.

**Chánh văn:** *Tất cả các việc làm ăn hùn hạp tuy có đạt được lợi ích thế tục nhưng chẳng lấy làm vui.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Đối với pháp thân Đại sĩ thì tất cả ngói gạch đá sỏi đều là châu ngọc, nhưng thế thì chúng sinh chẳng quý ân huệ của Đại sĩ, cho nên mới hiện đồng như thế tục cầu lợi, chứ đâu có gì vui thú?

**Chánh văn:** *Dạo chơi nơi ngã tư đường, nhưng làm lợi ích chúng sinh.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Ngã tư đường là nơi đông người tụ tập qua lại. Tùy những việc chúng sinh cần cầu mà làm lợi ích.

**Chánh văn:** *Dự vào việc trị chánh mà cứu giúp tất cả.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Trị chánh tức vị quan phụ trách về luật pháp. Tức dùng chánh pháp dẫn dắt làm cho nhân dân không hành tà vọng, cứu giúp tất cả.

**Chánh văn:** *Vào các giảng đường, dùng pháp Đại thừa dẫn dắt.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Ở Thiên Trúc có rất nhiều dị đạo, mỗi mỗi đều cho mình là hơn hết, nên nước này có lập ra giảng đường. Những người nào muốn luận hơn kém, muốn xiển dương đạo của mình thì nổi trống tập họp mọi người tại giảng đường để luận biện. Người thắng là thầy, kẻ thua làm đệ tử. Ngài Tịnh Danh đã lên tòa ở đây nhiếp phục ngoại đạo, sau đó dùng Đại thừa dẫn dắt, làm thầy của mọi người.

**Chánh văn:** *Vào các trường học mở mang cho kẻ mới học.*

Ngài La-thập nói:

- Như Bồ-tát Thích-ca vào trường học nói Phạm thư, Phạm thiên đến làm chứng cho mọi người tin nhận. Ở đây cũng giống như thế.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Học đường là nơi những kẻ mới học đến học tập mở mang, ví như khi Thái tử vào học thì hiện ra Phạm thư.

**Chánh văn:** *Vào nhà dâm chỉ bày tội lỗi của dục.*

Ngài La-thập nói:

- Xưa ở nước Ấn Độ có một người con gái, thân thể màu vàng

ròng, có một Trưởng giả tên là Đạt-mộ-đa-la, hai người đồng chở một ngàn lượng vàng vào rừng trúc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi biến làm một Cư sĩ thân mặc áo quần rất quý giá đẹp đẽ đứng bên đường, người nữ thấy được, tâm tham liền khởi. Ngài Văn-thù biết được liền nói rằng: “Cô muốn được y phục này, thì nên phát tâm Bồ-đề”. Người nữ liền hỏi: “Tâm Bồ-đề là gì?”. Đáp rằng: “Chính là thân của cô”. Hỏi: “Vì sao như thế?”. Đáp: “Bồ-đề, tánh là không, thân của cô cũng không, vì thế nói là thân của cô”. Người nữ này đã từng trồng cội lành vào thời quá khứ Phật Ca-diếp, nên nghe nói như thế liền được Vô sinh pháp nhẫn. Được Vô sinh pháp nhẫn rồi, lại muốn chỉ bày tội lỗi của dục, nên cùng với Trưởng giả vào rừng trúc, khi đã vào rừng trúc thì người nữ bèn biến hiện thân thành một tử thi sinh tương hôi thối, Trưởng giả thấy thế rất sợ hãi, liền đến trụ xứ của Phật thưa hỏi, Đức Phật thuyết pháp cho Trưởng giả nghe, vị này cũng được Vô sinh pháp nhẫn. Chỉ bày tội lỗi của dục có lợi ích như thế.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Ở Thiên Trúc các dâm nữ lập làng xóm riêng, phạm kẻ sĩ chẳng bao giờ ghé mắt đến, nhưng bậc Đại sĩ hiện đồng dục như họ là để sau đó chỉ bày tội lỗi của họ.

**Chánh văn:** Vào các quán rượu mà giữ vững ý chí.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Rượu đưa đến mất ý chí, mở lối buông lung.

**Chánh văn:** Nếu ở trong hàng Trưởng giả là bậc tôn quý trong hàng Trưởng giả, giảng nói pháp thù thắng.

Ngài La-thập nói:

- Trưởng giả, như nay là bốn dòng họ tôn quý. Pháp Thanh văn, nếu đối với phạm phu thì thù thắng, cứ như thế chuyển dần đến pháp Phật là tối thắng.

Ngài Tăng Triệu ghi: Hàng phạm phu, nếu dùng oai lực thì khiến họ quy thuận, dùng lý thì họ khó tin theo, cho nên bậc Đại sĩ thường ở địa vị tôn quý để hoằng dương đạo xuất thế. Trưởng giả là những người giàu có trọng vọng, phần nhiều tự sống với pháp thế gian mà chẳng hoằng truyền pháp xuất thế thù thắng.

**Chánh văn:** Nếu ở trong hàng Cư sĩ là bậc tôn quý nhất trong hàng Cư sĩ.

Ngài La-thập nói:

- Ở Thiên Trúc, những người bạch y giàu có gọi là Cư sĩ.

**Chánh văn:** Mà đoạn trừ tâm tham đắm cho họ.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tích chứa một ức tiền thì đứng vào hàng Cư sĩ, buôn bán sinh lợi càng nhiều thì tâm tham đắm càng sâu.

**Chánh văn:** *Nếu ở trong hàng Sát-đế-lợi là bậc tôn quý trong hàng Sát-đế-lợi.*

Ngài La-thập nói:

- Đây là âm tiếng Phạm, gồm hai nghĩa là nhẫn nhục và sân nhuế. Người này có thế lực rất lớn, thường sinh giận dữ, nhẫn chịu các khổ, ương ngạnh khó điều phục, nhân đó mà gọi là Sát-lợi.

**Chánh văn:** *Dạy cho họ nhẫn nhục.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Sát-lợi là dòng vua chúa, Hán dịch là Điền chủ. Vào thời kiếp sơ, con người ăn những vị của đất, kể đó ăn các loại lúa mọc tự nhiên, sau lòng người ngày càng xảo trá, mỗi mỗi tự chiếm đất riêng, mới lập ra những người có đức để phân chia bình đẳng ruộng đất. Đó là khởi đầu của chế độ vua chúa, từ đó thừa kế nhau mà lấy làm tên gọi. Hạng người này tôn quý, tự tại, phần nhiều cường bạo, quyết ý, chẳng chịu nhẫn nhục nhu hòa.

**Chánh văn:** *Nếu trong hàng Bà-la-môn thì là bậc tôn quý trong hàng Bà-la-môn.*

Ngài La-thập nói:

- Những hạng người có học vấn rộng, chuyên theo tà đạo, tự thị với trí tuệ, tự cao kiêu mạn gọi là Bà-la-môn.

**Chánh văn:** *Diệt trừ kiêu mạn cho họ.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Bà-la-môn, Hán dịch là ngoại ý. Hàng Bà-la-môn có kinh điển riêng, đời đời truyền thừa nhau, lấy việc học đạo làm sự nghiệp; hoặc ở tại gia hoặc xuất gia tu khổ hạnh. Phần nhiều tự ý vào đạo thuật của mình mà khinh mạn người khác.

**Chánh văn:** *Nếu ở trong hàng đại thần thì là bậc tôn quý trong hàng đại thần, dùng chánh pháp chỉ dạy.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Chánh pháp tức là pháp cai trị nhân dân. Tức dạy họ dùng chánh pháp trị nước, dùng đạo pháp giúp đỡ bảo hộ.

**Chánh văn:** *Nếu ở trong hàng vương tử thì là tôn quý trong hàng Vương tử, dạy cho họ trung hiếu.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Ngôi vị kế thừa rất nặng, nên cần phải lấy trung hiếu làm đầu.

**Chánh văn:** *Nếu ở trong hàng nội quan là bậc tôn quý trong hàng nội quan, dạy sự chánh trực cho cung nữ.*



Ngài La-thập nói:

- Chẳng phải như nội quan ngày nay (thời ngài La-thập); ở Thiên Trúc theo phép tắc phải tuyển chọn những bậc Trưởng lão nhiều đời trung lương, có đức cao trọng làm nội quan, để chỉ dạy uốn nắn các cung nữ.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Yêu mị tà vạy là tâm của người nữ, cho nên cần phải dạy cho họ chánh trực.

**Chánh văn:** *Nếu ở trong hàng thứ dân thì là bậc tôn quý trong hàng thứ dân, khuyên bảo khiến làm việc phước đức.*

Ngài La-thập nói:

- Xưa có người thấp hèn vào một thành ấp kia, thấy một người ăn mặc đẹp đẽ sang trọng cưỡi một con ngựa lớn, tay cầm lọng báu, liền xướng lời rằng: “Chẳng được”, ba lần như thế. Người kia lấy làm lạ bèn hỏi rằng: “Ta đẹp đẽ sang trọng như thế! Vì sao người lại nói chẳng được?”. Người thấp hèn kia nói rằng: “Ngài trước kia đã trồng cội phước đức, nay được quả báo này, có oai đức, y phục sang trọng khiến người kính ngưỡng. Còn tôi xưa kia chẳng gieo trồng phước đức, nên hôm nay thô lậu hèn hạ thế này. Vì so sánh với ngài thì tôi như cầm thú, cho nên tự nói chẳng được, chứ chẳng phải hủy nhục ngài.” Người thấp hèn nhân đó cảm thán, gắng sức tu tập tất cả phước nghiệp. Hình tướng tôn quý còn có thể cảm ngộ được người, lợi ích đã lớn như thế, huống hồ dùng đạo pháp giáo hóa ư?

Ngài Tăng Triệu nói:

- Vì phước lực cạn mỏng, nên sinh làm thứ dân.

**Chánh văn:** *Nếu trong hàng Phạm thiên thì là bậc tôn quý trong hàng Phạm thiên, dạy cho họ trí tuệ thù thắng.*

Ngài La-thập nói:

- Trong Tiểu thừa, Phạm thiên có ba loại, trong Đại thừa có bốn loại, còn ba địa trên cũng như thế. Phạm vương tuy có định tuệ, nhưng chẳng phải là pháp xuất thế gian cần yếu, vì thế phải dạy Phật tuệ cho họ, nên nói là thù thắng.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Phạm thiên phần nhiều chấp vào thiên phước, chẳng cầu tuệ thù thắng xuất thế gian.

**Chánh văn:** *Nếu ở trong hàng Đế Thích thì là bậc tôn quý trong hàng Đế Thích, mà thị hiện vô thường.*

Ngài La-thập nói:

- Phạm vương thì cấu uế mỏng, tâm chấp trước cạn; Đế Thích thì ái nặng, tâm chấp trước sâu, vì thế mà phải hiện vô thường.

Ngài Tăng Triệu ghi: Đế Thích sống ở cung trời Đao-lợi, tự vui thú với năm dục, nhìn Đông thì quên Tây, phần nhiều chẳng nghĩ đến vô thường.

**Chánh văn:** *Nếu ở trong hàng trời Hộ thế thì là bậc tôn quý trong hàng Hộ thế, luôn luôn bảo vệ các chúng sinh.*

Ngài La-thập nói:

- Trời Hộ thế tức là Tứ Thiên vương. Các quỷ, thần ác tàn hại chúng sinh, bốn vị vua trời Hộ thế bảo vệ, chẳng để cho quỷ thần ác kia làm hại. Nay nói tôn quý là vì dùng đạo lực bảo vệ khắp cả mười phương.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Bốn vị trời Hộ thế, mỗi mỗi thống trị một phương, bảo hộ khu vực trực thuộc, làm cho quỷ thần ác không thể xâm hại được.

**Chánh văn:** *Trưởng giả Duy-ma-cật dùng vô lượng phương tiện như thế để làm lợi ích chúng sinh.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Pháp thân ứng đầy khắp dấu tích hiện không có đầu mối, cho nên nói là vô lượng, ở trên chỉ là lược nêu mà thôi.

**Chánh văn:** *Ông dùng phương tiện hiện thân có bệnh.*

Ngài La-thập nói:

- Các phương tiện kể trên là dùng thí và giới để nhiếp thủ chúng sinh, dùng thí giới nhiếp thủ chúng sinh cảm ân huệ ấy; nghe ông ấy bệnh thì người đến thăm bệnh rất đông; người thăm bệnh đông thì công hoằng hóa rộng lớn. Vì thế hiện khắp các phương tiện, sau đó mới dưỡng bệnh.

**Chánh văn:** *Vì ông ấy có bệnh cho nên Quốc vương, Đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ, Bà-la-môn, các Vương tử và các quan thuộc, vô số ngàn người đến thăm bệnh.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tuy biến hóa ứng hiện khác phương, vết tích kỳ diệu chẳng phải một, nhưng việc phát khởi kinh này, nguyên là nơi hiện bệnh, cho nên người soạn kinh chỉ nêu riêng việc ấy.

**Chánh văn:** *Vì những người đến thăm bệnh, ông Duy-ma-cật nhân đó dùng thân bệnh để thuyết pháp.*

Ngài La-thập nói:

- Muốn nói về thân chứng đạo này chưa tránh khỏi khổ hoạn,

huống gì kẻ vô đức mà có thể bảo tồn ư?

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đồng với ta thì dễ tin, khác với ta thì khó thuận, nên nhân nơi thân bệnh mà nói về khổ hoạn khi có thân.

**Chánh văn:** “*Này các nhân giả! Thân này là vô thường*”.

Ngài La-thập nói:

- Chư Phật diễn pháp, trước tiên dùng bảy việc để phát khởi tâm người, sau đó nói bốn Đế. Bảy việc là gì?

1. Bồ thí.

2. Trì giới.

3. Quả báo sinh Thiên.

4. Thuyết vị. Vị tức là vị ưa thích.

5. Quả báo quá hoạn, tức tuy có một ít vui mà các khổ nhiều vô lượng. Chúng sinh mê nơi một ít vui thú mà chẳng biết các khổ, giống như đặt một hạt cải trên đỉnh núi, chỉ thấy hạt cải mà chẳng thấy Thái sơn.

6. Dạy xa lìa thế gian.

7. Tán thán công đức Niết-bàn.

Nay chẳng nói bảy pháp mà nói thẳng vào vô thường, là vì muốn dùng hội này tích tập các đức, rồi thuận tuệ thức, tu tập các minh. Và lại, vô thường là tướng đầu tiên của không, muốn nói về không trước phải nói vô thường, vì thế chỉ nói về thân mà chẳng nói đến pháp khác. Hơn nữa tâm ít sinh chấp trước đối với các pháp khác.

**Chánh văn:** *Không lực, không bền chắc.*

Ngài La-thập nói:

- Không có lực tạo tác, không có một thể bền chắc, thể không thật có.

**Chánh văn:** *Là pháp chứng hư hoại, chẳng thể tin.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Lực làm cho thân hư hoại rất mạnh, khó có thể giữ gìn được, ai có thể tin nó vĩnh viễn bền chắc được? Đây là nghĩa vô thường.

**Chánh văn:** *Là nơi khổ, não.*

Ngài La-thập nói:

- Vì vô thường nên khổ, khổ cho nên phiền não sinh.

**Chánh văn:** *Và các bệnh tụ tập.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Khổ là tám khổ, vô lượng khổ, não là chín não, vô lượng não, bệnh tức bốn trăm lẻ bốn bệnh. Đây là nghĩa khổ.

**Chánh văn:** *Này các nhân giả! Thân này như thế, người trí biết*

rõ, không bao giờ nương gá vào nó. Thân này như bọt nước tụ không thể cầm nắm.

Ngài Tăng Triệu ghi: Cầm nắm bọt tụ không thật là dụ cho quán thân hư giả. Từ đây trở xuống cho đến dụ điện chớp là nói về nghĩa không.

**Chánh văn:** Thân này như bong bóng nước chẳng lâu dài.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Không lâu dài, tựa như nói về nghĩa vô thường, nhưng bọt bóng trên mặt nước hư giả chẳng thật, nên nói chẳng tồn tại lâu dài, như nghĩa không.

**Chánh văn:** Thân này như sóng nắng, từ khát ái sinh ra.

Ngài Tăng Triệu ghi: Khát nước thấy sóng nắng, lầm cho là nước; ái thấy bốn đại mê chấp là thân.

**Chánh văn:** Thân này như cây chuối, không bền chắc.

Ngài Tăng Triệu ghi: Cây chuối chỉ có lá và bẹ không có thân.

**Chánh văn:** Thân này như huyễn, từ điên đảo sinh ra.

Ngài Tăng Triệu ghi: Thấy huyễn là người, thấy bốn đại là thân đều do điên đảo.

**Chánh văn:** Thân này như mộng, do hư vọng mà thấy.

Ngài La-thập nói:

- Trong mộng hư vọng thấy có, sau khi tỉnh thức thì biết chẳng chân thật.

**Chánh văn:** Thân này như cái bóng, từ nghiệp duyên sinh.

Ngài La-thập nói:

- Hình ngăn ánh sáng mặt trời, ánh sáng không chiếu đến được, do đó mà sinh bóng. Do vô minh, ba nghiệp ngăn che trí tuệ chân thật, cho nên có thân.

**Chánh văn:** Thân này như âm vang, thuộc về nhân duyên.

Ngài Tăng Triệu ghi: Thân sinh khởi là do nơi nghiệp duyên, giống như bóng và vang có là do hình và tiếng.

**Chánh văn:** Thân này như mây nổi, biến diệt trong chớp lát.

Ngài La-thập nói:

- Trong một thoáng liền đổi sắc, chớp lát thì tan hoại, thân cũng như thế, trong chớp mắt thì có biến chuyển từ niên thiếu đến trưởng thành rồi già, bệnh, chết. Từ như bọt tụ đến như điện đều là dụ vô thường, hoặc nói không bền chắc, hoặc dùng không lâu dài, hoặc nói chẳng thật, hoặc nói thuộc nhân duyên, tất cả đều nói về nguyên nhân của vô thường. Còn bốn dụ lớn sau đây là dụ cho không, vô ngã.

**Chánh văn:** Thân này như điện chớp và niệm niệm chẳng dừng trụ.

Ngài Tăng Triệu ghi: Biến đổi hoại diệt không dừng trụ, tựa như giải thích vô thường, nhưng đều lấy nghĩa hư giả chẳng thật làm chánh, cho nên nói chóng diệt chẳng trụ, giống như giải thích nghĩa không.

**Chánh văn:** Thân này không có chủ như đất.

Ngài La-thập nói:

- Đất không có một chủ thường trụ, kẻ mạnh thì được; thân cũng như thế, tùy theo sự việc mà biến, bệnh đến thì khổ não, chết đến thì diệt; tự tán tùy duyên, chẳng được tự tại.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Phạm vạn sự, vạn hình đều do bốn đại tạo thành, bên ngoài thì tạo thành đất đá, cỏ cây, sông núi; bên trong thì tạo ra bốn chi, trăm vóc, tự mà chẳng sinh, tán mà chẳng chết; sinh là bên trong, chết là bên ngoài; trong ngoài tuy khác nhưng các đại vẫn chẳng khác. Nên dùng bốn đại trong và ngoài để so sánh nói về vô ngã. Ví như đất bên ngoài, xưa nay tương truyền kẻ mạnh thì chiếm trước, cho nên không có chủ. Thân này cũng thế, do các duyên mà thành, khi duyên hợp thì có, duyên tan thì lìa, nào có cái gì gọi là chân thể thường nhất? Người chủ của thọ mạng chỉ là một ngã, mà tùy nghĩa lập bốn tên.

**Chánh văn:** Thân này không có ngã, như lửa.

Ngài La-thập nói:

- Đốt lửa nơi rừng hoang, tạo uy thanh chấn động, như khi dũng sĩ trong quân trận được lập ra để thắng trận, nếu theo thật mà tìm cầu thì chẳng có kẻ địch. Thân này cũng như thế, cử động, nói, làm khởi phát vạn mối, nếu từ mê hoặc mà nhìn thì tựa như có chủ thể, nhưng truy tìm nguyên do thì thật chẳng có ngã.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Ngang dọc tự do gọi đó là ngã, nhưng lửa cháy bên ngoài là do nơi củi, chứ chẳng phải lửa được tự do, lửa chẳng được tự do thì lửa không có ngã, lửa bên ngoài đã không có ngã thì lửa bên trong cũng như thế.

**Chánh văn:** Thân này chẳng thọ, như gió.

Ngài La-thập nói:

- Tuy có gió nổi lên, hoặc qua hoặc lại, nhưng do khí tụ tập lưu động mà thành, chẳng thật có một chủ sinh khởi, tồn tại, thân cũng như thế, hít thở ra vào, đi đứng nói năng đều là nhờ vào khí (hơi) mà có động, chẳng thật có thọ.

Ngài Tăng Triệu ghi: Còn mãi chẳng biến đổi gọi là thọ, nhưng gió bên ngoài, do tích tụ khí mà nổi lên thổi dừng đều vô thường, như thể gió không thọ, gió bên ngoài đã không thọ, thì gió bên trong so sánh cũng có thể biết.

**Chánh văn:** *Thân này không nhân (người) như nước.*

Ngài La-thập nói:

- Lắng trong, sáng sạch, tẩy trừ dơ uế, vuông tròn, thẳng cong, tất cả đều tùy thời mà thích ứng, nếu thật suy tìm người tạo tác thì đó là ai? Thân cũng như thế, thấy biết đứng đi đều do ứng với sự mà thay đổi, nhờ vào duyên mà thành dụng, nương vào số mà thực hành. Nếu xét rõ nguyên nhân thì thật chẳng có người.

Ngài Tăng Triệu ghi: Tôn quý nhất trong vạn vật mà trước sau chẳng biến đổi gọi là người, nhưng nước ở bên ngoài khéo léo làm lợi ích, biến đổi thành vạn hình, vuông tròn tùy vật chứa, chảy đọng khác nhau, mà thể vẫn chẳng định được. Thể chẳng định thì nước không có cái ngã. Nước ở bên ngoài không có nghĩa ngã, thì nước bên trong so sánh cũng có thể biết được.

**Chánh văn:** *Thân này chẳng thật, bốn đại là nhà.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Bốn vô thường đã giải thích xong ở trên, từ đây trở xuống chỉ nói về những tội lỗi của thân hư giả đây các tạp uế. Bốn đại giả hợp cho là thân trách mà chẳng phải là ngôi nhà thật.

**Chánh văn:** *Thân này là không, vì lìa ngã và ngã sở.*

Ngài La-thập nói:

- Lìa ngã là chúng sinh không, lìa ngã sở là pháp không. Bốn câu trên là dụ nói về không vô ngã, ở đây là nói thẳng vào nghĩa không vô ngã.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Ngã là chủ kỳ diệu của thân, ngã sở là vật bên ngoài của tự ngã, như thân và nước, thành, vợ con, vạn vật đều là sở hữu của ngã. Người trí quán thân, thì biết nội thân vắng lặng, hai việc đều lìa.

**Chánh văn:** *Thân này vô tri như cỏ cây, ngôi đá.*

Ngài La-thập nói:

- Do hội hợp mà tạo thành cái biết (tri), thì chẳng phải là thật biết. Tìm cầu cái biết này chẳng thể được, đồng như gạch ngói.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Thân tuy hay xúc chạm nhưng chẳng thể biết, thức hay biết mà chẳng thể xúc chạm, theo tự tánh mà tìm xét thì cả hai đều không biết. Đã nói không biết thì đâu khác gì ngói gạch.

**Chánh văn:** *Thân này vô tác, nhờ vào sức gió mà chuyển.*

Ngài La-thập nói:

- Không có chủ thể tạo tác mà luôn tạo tác là do sức gió chuyển động. Từ vô tri đến vô tác đều là giải thích nghĩa không, vô ngã.

Ngài Tăng Triệu ghi: Tất cả các việc cử động đều do sức gió sai khiến, chứ đâu có ai tạo tác.

**Chánh văn:** *Thân này bất tịnh.*

Ngài La-thập nói:

- Bậc Tu-đà-hoàn tuy thấy được bốn đế, nhưng còn mê hoặc nơi sắc thanh tịnh, cho nên sau bốn vô thường thì kế tiếp nói về bất tịnh. Vả lại, trên đã nói vô thường, khổ, vô ngã, thì đây nói môn bất tịnh; để phá đủ bốn điên đảo, nên đây phải nói bốn pháp quán hạnh. Thực hành quán pháp này rồi sau đó mới chẳng chấp thân, thân đã chẳng chấp thì mới có thể học Pháp thân. Vì thế trước nói pháp xa lìa, sau mới nói Pháp thân.

**Chánh văn:** *Đầy đầy những dơ xấu.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Đầy đủ ba mươi sáu vật bất tịnh nơi thân thể.

**Chánh văn:** *Thân này hư giả, tuy có nhờ vào tắm rửa, y phục, uống ăn, nhưng cuối cùng rồi sẽ trở về hoại diệt.*

Ngài La-thập nói:

- Đây là nói do vô thường làm hoại diệt nên khổ. Từ đây trở xuống đều là dụ nói về khổ, là các khổ về tai họa, bệnh hoạn. Từ câu “như gò giếng” trở xuống là dụ chung cho các khổ sinh, lão, bệnh, tử thật vô lượng.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Tuy dùng nước thơm tắm rửa, mặc y phục đẹp, nhưng vì chẳng chân thật, nên nào có bền lâu?

**Chánh văn:** *Thân này là tai họa, có một trăm lẻ một bệnh khổ ão loạn.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Một đại tăng trưởng hoặc tổn giảm thì sinh một trăm lẻ một bệnh, bốn đại tăng giảm thì bốn trăm lẻ bốn bệnh đồng thời sinh, nên nói thân này là nơi các tai họa tụ tập.

**Chánh văn:** *Thân này như giếng trên gò (khâu tỉnh).*

Ngài La-thập nói:

- Khâu tỉnh tức giếng khô trên gò cao. Khi xưa có một người phạm vào pháp vua, sợ hãi chạy trốn, vua sai một con voi say đuổi theo; vì



quá sợ, người này nhả xuống một cái giếng khô, rơi giữa chừng tay nắm được một sợi dây cỏ mục, phía dưới giếng một con rồng dữ đang phun hơi độc, bên cạnh có năm con rắn độc như muốn làm hại, lại có hai con chuột đang cắn dây cỏ sắp đứt, voi dữ đã đến bên miệng giếng. Người này thấy vậy rất khổ não và vô cùng sợ hãi, bỗng trên một cây cao mọc bên giếng có một giọt mật rơi xuống trúng miệng người ấy, người này đắm nơi vị của mật mà quên mất sự sợ hãi. Giếng trên gò dụ cho sinh tử, voi say dụ vô thường, rồng dữ dụ ác đạo, năm rắn độc dụ năm ấm, cỏ mục dụ mạng căn, hai con chuột đen trắng dụ cho ngày đêm, giọt mật dụ cho năm dục, được giọt mật mà quên sự sợ hãi là dụ cho việc chúng sinh được giọt mật năm dục, chẳng sợ khổ.

**Chánh văn:** *Vì bị sự già suy bức bách.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Thần ở nơi thân bị già chết bức bách, giống như người khốn khổ rơi vào giếng khô bị rồng dữ bức hại. Nhân duyên ghi ở kinh khác.

**Chánh văn:** *Thân này không định.*

Ngài La-thập nói:

- Nghĩ rằng sẽ có chết, nhưng không có kỳ hạn nhất định.

**Chánh văn:** *Vì sẽ phải chết.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Thọ mệnh hay yếu mệnh tuy không định được, nhưng không thể không chết.

**Chánh văn:** *Thân này như rắn độc.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Bốn đại như bốn rắn độc.

**Chánh văn:** *Như giặc cướp.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Năm ấm như năm kẻ giặc.

**Chánh văn:** *Như làng vắng.*

Ngài La-thập nói:

- Khi xưa có một người đắc tội với vua, vua muốn ngầm giết hại, nên nhốt bốn con rắn độc vào một chiếc hòm, bảo người ấy canh giữ, lại có năm kẻ giặc cầm dao bảo vệ, có một Thiện tri thức đến bảo người ấy chạy trốn, người ấy liền đến một làng vắng và dừng ở đó. Vị Thiện tri thức lại nói đây là sào huyệt của giặc cướp, nếu dừng ở đây lát nữa giặc cướp đến, người sẽ bị chúng giết hại, cướp đoạt tiền của, hãy mau chóng đến nơi khác mới được an ổn. Người ấy theo lời dạy, bỏ chạy đến nơi khác, đến một con sông lớn thì kết bè vượt sang bờ kia, đến bờ kia rồi mới được an ổn, không còn các khổ hoạn. Vua dụ cho ma, cái hòm



dụ cho thân, bốn con rắn dụ cho bốn đại, năm tên giặc dụ cho năm ấm, làng vắng dụ cho sáu nhập, giặc ác dụ cho sáu trần, sông dụ cho sinh tử; Thiện tri thức bảo nên chạy trốn, tức là dụ cho việc Đức Phật và các Bồ-tát dạy chúng sinh nên xa lìa ác ma, bỏ bốn đại, dẹp năm ấm, chúng sinh nghe lời dạy xa lìa ba hoạn nhưng chưa ra khỏi làng xóm, chưa tránh được giặc ác, vì thế lại phải chỉ dạy ngồi trên bè tám Chánh đạo mà vượt qua dòng sinh tử. Vượt qua dòng sinh tử rồi thì an nhiên, không còn làm gì và không còn các khổ hoạn.

Ngài Tăng Triệu ghi: Sáu tình dụ cho làng vắng đều có thật chứng, mà dụ ghi ở kinh khác. Vì thế kinh Niết-bàn ghi: “Quán thân như bốn đại rắn độc, thân này vô thường, luôn bị các loài trùng độc cắn rủa; thân này luôn là hôi thối, bị tham dục trói buộc, thân này đáng sợ giống như chó chết, thân này thật bất tịnh, chín nơi thường bài tiết ra, thân này như thành trì, có máu thịt gân xương được da bao phủ, tay chân là những lá chắn để có thể đánh lùi giặc, mắt là lỗ trống, đầu là điện đường, tâm vương ở trong đó. Thân thành như thế, chư Phật Thế Tôn đều xả bỏ, còn hàng phàm phu ngu si chấp trước, các La-sát tham dâm, sân hận, ngu si cư ngụ trong đó. Thân này không bền chắc, giống như cây lau, cây y lan, bọt nước, cây chuối. Thân này vô thường, niệm niệm chẳng dừng trụ, giống như điện chớp, nước tuôn, sóng nắng, huyễn hóa, giống như vạch trên nước, vạch qua thì nước liền hợp lại. Thân này dễ hư hoại giống như cây lớn bên bờ sông. Thân này chẳng dài lâu, có thể bị các loài cọp, sói, chim dữ, chó đói ăn thịt, người trí ai mà ham thích thân này? Đâu có thể dùng dấu chân trâu mà chứa nước biển lớn, chẳng thể nói hết thân này là vô thường, bất tịnh hôi thối! Đâu có thể vo tròn đại địa khiến như quả táo... dần dần chuyển thành nhỏ như đỉnh Lịch tử cho đến vi trần, như thế! Chẳng thể nói hết những quá hoạn của thân này. Vì thế nên xả bỏ như bỏ đùm giải.

**Chánh văn:** *Ấm giới và các nhập hợp thành.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Ấm là năm ấm, giới là mười tám giới, nhập tức mười hai nhập. Ba pháp này giả hợp thành thân, giống như làng vắng chẳng thể nào nương ở được.

**Chánh văn:** *Này các nhân giả! Nên nhàm chán thân này mà ưa thích Phật thân!*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Chúng ta đồng các họa hoạn này, nên xả bỏ từ lâu, nên đồng ưa thích cầu thân Phật.

**Chánh văn:** *Vì sao?*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Người có kiến giải thiển cận cho rằng thân Phật chính là thể vi diệu của thân hình, chưa tránh khỏi các khổ hoạn lạnh nóng, đau muốn mong cầu, vì thế sẽ vì họ mà luận về thể cực vi diệu của Pháp thân.

**Chánh văn:** *Thân Phật tức Pháp thân.*

Ngài Tăng Triệu ghi: kinh nói rằng: “Pháp thân là thân hư không”, không sinh mà không gì chẳng sinh, không hình mà không đâu chẳng hiện hình, vượt ngoài ba cõi, bất cảnh hữu tâm, ấm nhập chẳng thể gồm thấu, khen tặng chẳng thể đến, lạnh nóng chẳng làm khổ hoạn, sinh tử không thể làm thay đổi thể ấy. Cho nên nếu nói là vật thì vi diệu không hình, chẳng thể nói là có, vì ứng đủ vạn hình nên chẳng thể nói là không, bao trùm tám cực, nên chẳng thể cho là nhỏ; nhỏ chẳng thể dung chứa được gì, nên chẳng thể cho là lớn. Nếu có thể vào tử ra sinh thì rỗng rang hay hóa hiện vô cùng; biến khắp mười phương, ứng cầu không vết tích. Đó là điều mà hàng Nhị thừa chẳng thể luận bàn, hàng Bồ xứ chưa từng nhìn thấy, huống gì hàng phàm phu không có mắt mà dám ghé tâm vào đó ư? Nay nương vào những lời chân thật trong kinh mà tạm nêu chỗ cùng tột u huyền kia vậy. Thế thì Pháp thân tại nơi trời thì là trời, tại người thì là người, há có thể bỏ thân một tượng sáu găng gũ mà cầu Pháp thân xa vời ư?

Ngài Đạo Sinh nói:

- Phàm thân Phật tức thân một tượng sáu, thân một tượng sáu từ Pháp thân mà xuất sinh, vì y cứ theo nghĩa xuất mà đặt tên, nên nói “tức Pháp thân”. Pháp nghĩa là vô phi pháp, nghĩa vô phi pháp tức vô tướng thật; thân là thể của nghĩa này; Pháp thân là chân thật, thân một tượng sáu là thân ứng hóa. Vì sao biết được? Vì người ngộ được pháp thì hoặc chấp vĩnh viễn hết, mê muội cũng không còn, vi diệu dứt bật ba cõi, lý thâm hợp với cảnh vô hình, hình đã không thì không đâu chẳng hiện hình, ba cõi đã bật thì không nơi nào chẳng là cõi; không đâu chẳng hiện hình thì chỉ cần cảm là ứng, mà Phật chẳng làm gì. Đến như hình lớn nhỏ, thọ mạng dài ngắn đều là hình ảnh dấu vết để hóa độ chúng sinh, mà chẳng phải là Phật thật. Nếu chúng sinh chẳng cảm, ắt sẽ không hiện, chẳng phải là Phật không muốn tiếp độ. Chúng sinh chẳng tỉnh, cho nên tự mình đoạn dứt vậy. Nếu chẳng tỉnh mà hiện thì thật là chưa có. Ví như mặt trời hiện trên hư không mà ảnh hiện nơi các vật, vạn ảnh vạn hình đều là cảnh chấp thủ của các vật, chứ mặt trời đâu có làm gì? Nếu vật không có nước thì hình ảnh không hiện, chứ chẳng phải

mặt trời không muốn hiện, vật chứa nước chẳng cần cầu, cho nên tự đoạn dứt. Thế thì thân một tướng sáu và thân tám tất đều là Phật trong nước tâm chúng sinh, mà Phật thường không có hình thể há lại có hai ư? Các hoạn họa kể trên đều là do có thân mà sinh, cho nên khuyến khích thích thân Phật. Nhưng thân Phật hiện hóa, giao tiếp với các hữu tình, tuy có tinh thô sai biệt, đến như vô thường chẳng ứng cũng có khác, mà nay khiến ưa thích; ta hãy luận về ý này! Đã nói Pháp thân thì không chỉ làm cho biết không có thân bệnh, mà còn dùng để trừ bệnh cho tất cả chúng sinh nữa. Nay lại chỉ dạy khiến thích pháp, hạnh thích pháp là hạ pháp, thế thì người thực hành nơi pháp thì được thân Phật.

**Chánh văn:** *Từ vô lượng công đức trí tuệ sinh.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Phàm thân cực diệu ắt phải do nhân cực diệu sinh. Công đức và trí tuệ là hai nghiệp của bậc Đại sĩ, đó là môn đầu tiên của vạn hạnh, là then chốt của Niết-bàn, nên xưng lời thì đều có. Từ đây trở xuống tuy nêu riêng các hạnh, nhưng đều là hạnh vô vi vô tướng. Vì hạnh vô vi vô tướng, nên pháp thân thành tựu cũng vô vi vô tướng.

**Chánh văn:** *Từ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến sinh.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Đó là năm phần pháp thân.

**Chánh văn:** *Từ nơi Từ, Bi, Hỷ, Xả sinh; từ bố thí, trì giới, nhẫn nhục nhu hòa, cần hành tinh tấn, thiền định, giải thoát, Tam-muội sinh.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Thiền tức bốn Thiền, Định tức bốn Định, giải thoát tức tám Giải thoát, Tam-muội tức ba Tam-muội, đây đều là hạnh riêng của Thiên ba-la-mật.

**Chánh văn:** *Từ đa văn trí tuệ các Ba-la-mật sinh ra.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Tức sáu Độ đã kể trên. Ba-la-mật, Hán dịch là Đáo bỉ ngạn (đến bờ kia), bờ kia tức là bờ thật tướng. Được vô sinh trở về sau, tu tập tất cả các hạnh đều khế hợp với thật tướng, Thế cũng không còn phân biệt.

**Chánh văn:** *Từ phương tiện sinh, từ sáu thông sinh.*

Ngài Tăng Triệu nói:

- Trụ thứ bảy trở lên đầy đủ sáu thông, nếu chẳng có sáu Thông chuyển vận sự biến hóa vô cùng thì chẳng thể nào thành tựu thể vô cực được.

**Chánh văn:** *Từ ba minh sinh.*

Ngài Tăng Triệu ghi: Ba minh là Thiên nhãn, Túc mạng và Lưu tậ.

**Chánh văn:** Từ ba mươi bảy Phẩm trợ đạo sinh, từ Chỉ quán sinh.

Ngài La-thập ghi: Lúc mới quán thì buộc tâm tại một cảnh gọi là Chỉ, cùng cực tĩnh lặng thì sáng tỏ, sáng tỏ tức là tuệ, tuệ gọi là Quán.

Ngài Tăng Triệu ghi: Chỉ là định, Quán là tuệ.

**Chánh văn:** Từ mười Lục, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng sinh; từ việc đoạn tất cả pháp bất thiện, gom tập tất cả pháp thiện sinh.

Ngài Tăng Triệu nói:

- Ý chí quyết đoạn, tâm quyết gom tập, cả hai là giềng mối của tâm hạnh.

**Chánh văn:** Từ chân thật sinh, từ chẳng buông lung sinh.

Ngài Tăng Triệu ghi: Do thiện căn chân thật sinh, do nghiệp chẳng buông lung mà thành, đây là yếu dụng của tâm hạnh.

**Chánh văn:** Từ vô lượng pháp thanh tịnh như thế sinh ra thân Như Lai. Nay các nhân giả! Muốn được thân Phật, đoạn trừ bệnh cho tất cả chúng sinh, thì nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ngài Tăng Triệu ghi: Phát tâm vô thượng há chỉ để trừ bệnh thôi ư? Mà cũng là để cứu chữa bệnh cho chúng sinh.

**Chánh văn:** Như thế! Ông Trưởng giả Duy-ma-cật vì những người đến thăm bệnh, tùy chỗ thích ứng mà nói pháp, khiến cho vô số trời người phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

-----